

Số: /QĐ-UBND

*Ayun, ngày 05 tháng 10 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp**  
**Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 của UBND xã Ayun**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 101/QĐ-BKHCN ngày 21/01/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố mô hình khung hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cho các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tại địa phương;

Căn cứ Quyết định số 680/QĐ-UBND ngày 14/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc ban hành kế hoạch xây dựng, chuyển đổi Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015;

Căn cứ Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 06/02/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Chư Sê về việc chuyển đổi áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan hành chính nhà nước huyện Chư Sê năm 2020;

Theo đề nghị của Công chức Văn phòng - Thống kê kiêm Thư ký Ban ISO thuộc Ủy ban nhân dân xã Ayun,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố chuyển đổi Hệ thống quản lý chất lượng tại UBND xã Ayun phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Công chức Văn phòng-Thống kê; Ban chỉ đạo ISO, cán bộ, công chức chuyên môn của xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận :***

- Như điều 3;
- UBND huyện Chư Sê;
- TT Đảng ủy, HĐND xã;
- CT, PCT UBND xã;
- Cán bộ, công chức xã;
- Lưu: VT, VP.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Đức Cường**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----

**BẢN CÔNG BỐ**  
**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ AYUN**

**Hệ thống quản lý chất lượng tại Ủy ban nhân dân xã Ayun**  
**phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015**

*(Theo phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số ...../QĐ-UBND*  
*ngày 05/10/2020 của Chủ tịch UBND xã Ayun)*

**Bản công bố này có hiệu lực kể từ ngày ban hành./.**

*Ayun, ngày 05 tháng 10 năm 2020*  
**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Đức Cường**

**PHỤ LỤC**  
**DANH MỤC TÀI LIỆU HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG**  
**THEO TIÊU CHUẨN TCVN ISO 9001:2015**

(Kèm theo Quyết định số: .../QĐ-UBND ngày 05/10/2020 của Chủ tịch UBND xã)

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Ghi chú
<b>I. Tài liệu, hướng dẫn theo mô hình hệ thống quản lý chất lượng</b>			
1	Mô hình Hệ thống quản lý chất lượng	MHHTQLCL	
2	Chính sách chất lượng	CSCCL	
3	Mục tiêu chất lượng	MTCL	
4	Hướng dẫn kiểm soát thông tin dạng văn bản (tài liệu, hồ sơ)	HD.01	
5	Hướng dẫn quản lý rủi ro và cơ hội	HD.02	
6	Hướng dẫn đánh giá nội bộ	HD.03	
7	Hướng dẫn kiểm soát sự không phù hợp và Hành động khắc phục	HD.04	
<b>II. Quy trình quản lý nội bộ</b>			
1	Quy trình xem xét của Lãnh đạo UBND xã	QT.VP-TK.01	
2	Quy trình Quản lý văn bản đi-đến	QT.VP-TK.02	
3	Quy trình Tổ chức Hội nghị	QT.VP-TK.03	
4	Quy trình đánh giá sự hài lòng của khách hàng	QT.VP-TK.04	
5	Quy trình tiếp nhận và trả kết quả theo thủ tục một cửa	QT.VP-TK.05	
<b>III. Quy trình giải quyết TTHC</b>			
	<b><i>Lĩnh vực Địa chính-Nông nghiệp</i></b>		
1.	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự án cho UBND cấp xã thực hiện)	QT.ĐCNN.01	
2.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạn du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	QT.ĐCNN.02	
3.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	QT.ĐCNN.03	

4.	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa	QT.ĐCNN.04	
5.	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	QT.ĐCNN.05	
6.	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu	QT.ĐCNN.06	
7.	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh	QT.ĐCNN.07	
8.	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai	QT.ĐCNN.08	
9.	<i>Lĩnh vực Địa chính – Xây dựng</i>		
10	Đề nghị miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng (Thủ tục hành chính đặc thù của tỉnh ban hành)	QT.ĐCXD.01	
11.	Hoà giải tranh chấp đất đai	QT.ĐCXD.02	
12	Xác nhận hợp đồng tiếp nhận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	QT.ĐCXD.03	
13	Tham vấn ý kiến trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường	QT.ĐCXD.04	
14	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	QT.ĐCXD.05	
15	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã.	QT.ĐCXD.06	
16	<i>Lĩnh vực Văn hóa xã hội</i>		
17.	Xác định thôn đặc biệt khó khăn , xã thuộc vùng dân tộc miền núi giai đoạn 2016-2020	QT.VHXH.01	
17.	Đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	QT.VHXH.02	
19.	Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	QT.VHXH.03	
20.	Thủ tục giải quyết chế độ hỗ trợ và cấp GCN đối với người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế đang định cư ở nước ngoài ủy quyền cho thân nhân ở trong nước kê khai, nhận chế độ	QT.VHXH.04	
21.	Thủ tục giải quyết chế độ hưu trí đối với quân nhân trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ ngày 30/4/1975 trở về trước có 20 năm trở lên phục vụ quân đội đã được phục viên, xuất ngũ	QT.VHXH.05	
22.	Thủ tục giải quyết chế độ một lần đối với thân nhân của quân nhân trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ ngày 30/4/1975 trở về trước có 20 năm trở lên	QT.VHXH.06	

	phục vụ quân đội đã phục viên, xuất ngũ từ trần		
23.	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần, cấp giấy chứng nhận dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế	QT.VHXH.07	
24.	Thủ tục giải quyết chế độ hưu trí đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu, nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu là phục viên, xuất ngũ, thôi việc	QT.VHXH.08	
25.	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ Quốc và làm nhiệm vụ quốc tế có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc (đối tượng từ trần)	QT.VHXH.09	
26.	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp hàng tháng đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu, nhập ngũ, tuyển dụng sau ngày 30/4/1975, tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ Quốc tế có đủ từ 15 năm đến 20 năm công tác thực tế trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc	QT.VHXH.10	
27.	Thủ tục giải quyết chế độ phụ cấp một lần đối với quân nhân người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân; công nhân viên chức quốc phòng; dân quân tự vệ trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975, có dưới 15 năm công tác đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc (đối tượng thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Quốc phòng)	QT.VHXH.11	
28.	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân; công nhân viên chức quốc phòng, dân quân tự vệ trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ Quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc (đối tượng đã từ trần) do Bộ Quốc phòng giải quyết	QT.VHXH.12	
39.	Thủ tục giải quyết trợ cấp một lần đối với công nhân viên chức nhà nước, chuyên gia các ngành, cán bộ xã phường thị trấn; công an xã, thanh niên xung phong trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ	QT.VHXH.13	

	vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975 đã thôi việc, đã về gia đình (đối tượng thuộc thẩm quyền giải quyết.)		
30.	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với công nhân viên chức nhà nước, chuyên gia các ngành; cán bộ xã phường thị trấn; công an xã, thanh niên xung phong trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975 đã thôi việc, đã về gia đình (đối với đối tượng đã từ trần) thuộc thẩm quyền giải quyết.	QT.VHXH.14	
31.	Thủ tục xác nhận liệt sĩ đối với những trường hợp hy sinh từ 31/12/1994 trở về trước	QT.VHXH.15	
32.	Thủ tục xác nhận đối với người bị thương đã chuyển ra ngoài quân đội chưa được giám định thương tật	QT.VHXH.16	
33.	Thủ tục xác nhận liệt sĩ đối với trường hợp mất tin, mất tích quy định tại Điểm K Khoản 1 Điều 17 của Nghị định số 31/2013/NĐ-CP sau khi cơ quan có thẩm quyền kết luận chưa có chứng cứ phản bội, đầu hàng, chiêu hồi, đào ngũ	QT.VHXH.17	
34.	Thủ tục cấp lại hồ sơ và giải quyết truy lĩnh trợ cấp thương tật đối với thương binh ngừng hưởng do khách quan hoặc thất lạc hồ sơ	QT.VHXH.18	
35.	Thủ tục xác nhận đối với quân nhân đã xuất ngũ bị bệnh tái phát dẫn đến tâm thần quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 33 của Nghị định số 31/2013/NĐ-CP	QT.VHXH.19	
36.	Thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến được tặng huân chương, huy chương chết trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi	QT.VHXH.20	
37.	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	QT.VHXH.21	
38.	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	QT.VHXH.22	
39.	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	QT.VHXH.23	
40.	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	QT.VHXH.24	
41.	Thủ tục giải quyết chế độ đối với thân nhân liệt sĩ	QT.VHXH.25	
42.	Thủ tục giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng cho thân nhân khi người có công từ trần	QT.VHXH.26	

43.	Thủ tục hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần	QT.VHXH.27	
44.	Thủ tục thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ	QT.VHXH.28	
45.	Xác nhận vào đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ; đơn đề nghị thăm viếng mộ liệt sĩ	QT.VHXH.29	
46.	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	QT.VHXH.30	
47.	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	QT.VHXH.31	
48.	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	QT.VHXH.32	
49.	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ chi phí mai táng	QT.VHXH.33	
50.	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	QT.VHXH.34	
51.	Công nhận hộ nghèo, công nhận hộ cận nghèo phát sinh trong năm	QT.VHXH.35	
52.	Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình (thủ tục bổ sung)	QT.VHXH.36	
53.	Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng (thủ tục bổ sung)	QT.VHXH.37	
54.	Thủ tục “Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân”	QT.VHXH.38	
55.	Xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2016-2020 thuộc diện đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế	QT.VHXH.39	
56.	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm	QT.VHXH.40	
57.	Ủy quyền hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi	QT.VHXH.41	
58.	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	QT.VHXH.42	
59.	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	QT.VHXH.43	
60.	Tiếp nhận đối tượng là người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn vào cơ sở trợ giúp trẻ em	QT.VHXH.44	
61.	xác nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với người bị thương không thuộc lực lượng công an, quân đội trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ	QT.VHXH.45	
62.	Thủ tục bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	QT.VHXH.46	

63.	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học	QT.VHXH.47	
64.	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	QT.VHXH.48	
65.	Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại	QT.VHXH.49	
66.	Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	QT.VHXH.50	
67.	Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)	QT.VHXH.51	
68.	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	QT.VHXH.52	
69.	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số	QT.VHXH.53	
70.	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội	QT.VHXH.54	
71.	Thủ tục xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm	QT.VHXH.55	
72.	Thủ tục xét tặng giấy khen gia đình văn hóa	QT.VHXH.56	
	<i>Lĩnh vực Văn phòng-Thống kê</i>		
73.	Xử lý đơn tại cấp xã	QT.VP-TK.01	
74.	Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã	QT.VP-TK.02	
75.	Giải quyết tố cáo tại cấp xã	QT.VP-TK.03	
76.	Tiếp công dân tại cấp xã	QT.VP-TK.04	
77.	Thủ tục tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ chính trị	QT.VP-TK.05	
78.	Thủ tục tặng danh hiệu Lao động tiên tiến	QT.VP-TK.06	
79.	Thủ tục tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề	QT.VP-TK.07	
80.	Thủ tục tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đợt xuất	QT.VP-TK.08	
81.	Thủ tục tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho gia đình	QT.VP-TK.09	
82.	Thủ tục xét tặng danh hiệu vinh danh Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	QT.VP-TK.10	
83.	Thủ tục xét truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	QT.VP-TK.11	
84.	Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng	QT.VP-TK.12	
85.	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng	QT.VP-TK.13	
86.	Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung	QT.VP-TK.14	

87.	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	QT.VP-TK.15	
88.	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	QT.VP-TK.16	
89.	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung	QT.VP-TK.17	
90.	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã	QT.VP-TK.18	
91.	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác	QT.VP-TK.19	
92.	Thủ tục thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung	QT.VP-TK.20	
93.	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	QT.VP-TK.21	
	<i>Lĩnh vực Tài chính-Kế toán</i>		
94.	Quyết định mua sắm tài sản công có giá trị dưới 100 triệu đồng trên một gói mua sắm để phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong trường hợp không phải lập thành dự án đầu tư	QT.TC-KT.01	
95.	Quyết định chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công trong trường hợp không thay đổi đối tượng quản lý, sử dụng tài sản công	QT.TC-KT.02	
96.	Quyết định bán tài sản công	QT.TC-KT.03	
97.	Quyết định bán tài sản công cho người duy nhất theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ	QT.TC-KT.04	
98.	Quyết định hủy bỏ quyết định bán đấu giá tài sản công	QT.TC-KT.05	
99.	Quyết định thanh lý tài sản công	QT.TC-KT.06	
100.	Quyết định tiêu hủy tài sản công	QT.TC-KT.07	
101.	Quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	QT.TC-KT.08	
	<i>Lĩnh vực Tư pháp-Hộ tịch</i>		
102.	Yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	QT.TP-HT.01	
103.	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi	QT.TP-HT.02	
104.	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp thẻ BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi	QT.TP-HT.03	
105.	Đăng ký khai tử và xóa đăng ký thường trú đối với người	QT.TP-HT.04	

	chết có đăng ký thường trú tại tỉnh Gia Lai		
106.	Đăng ký khai sinh	QT.TP-HT.05	
107.	Đăng ký khai tử	QT.TP-HT.06	
108.	Đăng ký khai sinh lưu động	QT.TP-HT.07	
109.	Đăng ký khai tử lưu động	QT.TP-HT.08	
110.	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	QT.TP-HT.09	
111.	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	QT.TP-HT.10	
112.	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	QT.TP-HT.11	
113.	Đăng ký giám hộ	QT.TP-HT.12	
114.	Đăng ký chấm dứt giám hộ	QT.TP-HT.13	
115.	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch.	QT.TP-HT.14	
116.	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	QT.TP-HT.15	
117.	Đăng ký lại khai sinh	QT.TP-HT.16	
118.	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	QT.TP-HT.17	
119.	Đăng ký lại khai tử	QT.TP-HT.18	
120.	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	QT.TP-HT.19	
121.	Đăng ký kết hôn	QT.TP-HT.20	
122.	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	QT.TP-HT.21	
123.	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	QT.TP-HT.22	
124.	Đăng ký kết hôn lưu động	QT.TP-HT.23	
125.	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	QT.TP-HT.24	
126.	Đăng ký lại kết hôn	QT.TP-HT.25	
127.	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	QT.TP-HT.26	
128.	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	QT.TP-HT.27	
129.	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	QT.TP-HT.28	
130.	Cấp bản sao từ sổ gốc	QT.TP-HT.29	
131.	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	QT.TP-HT.30	

132.	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, điểm chỉ được)	QT.TP-HT.31	
133.	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	QT.TP-HT.32	
134.	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	QT.TP-HT.33	
135.	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	QT.TP-HT.34	
137.	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	QT.TP-HT.35	
137.	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	QT.TP-HT.36	
138.	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	QT.TP-HT.37	
139.	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	QT.TP-HT.38	
140.	Chứng thực di chúc	QT.TP-HT.39	
141.	Thủ tục công nhận hòa giải viên	QT.TP-HT.40	
142.	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải	QT.TP-HT.41	
143.	Thủ tục thôi làm hòa giải viên	QT.TP-HT.42	
144.	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	QT.TP-HT.43	
145.	Công nhận tuyên truyền viên pháp luật	QT.TP-HT.44	
146.	Miễn nhiệm tuyên truyền viên pháp luật	QT.TP-HT.45	
147.	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	QT.TP-HT.46	